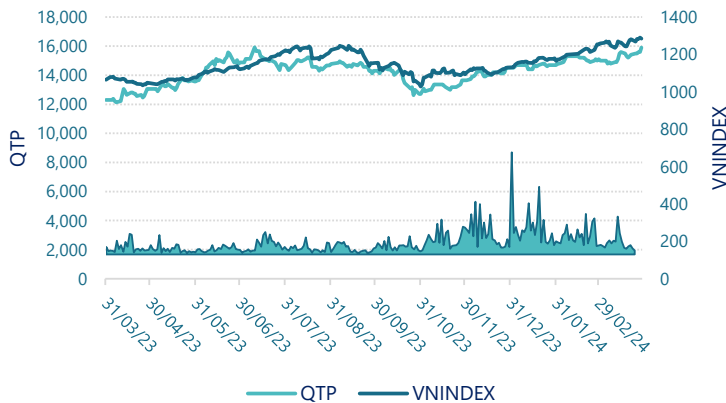




CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (UPCOM: QTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	15,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,914
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,134
SL cổ phiếu LH	450,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	298,356
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,155
P/E	10.3
EPS	1,549

DT thuần

Q1/24

3,010

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 163 | 5.7%

YoY: ▲ 15.0 | 0.5%

LN sau thuế

Q1/24

227

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0 | 7.3%

YoY: ▲ 83.0 | 57.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

5.8%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

2023

12,058

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,641 | 15.8%

LN sau thuế

2023

612

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 152 | -19.9%

ROE

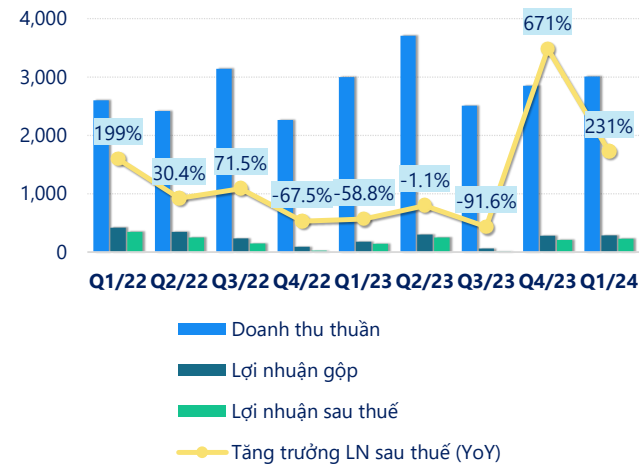
2023

10.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%

tỷ VNĐ

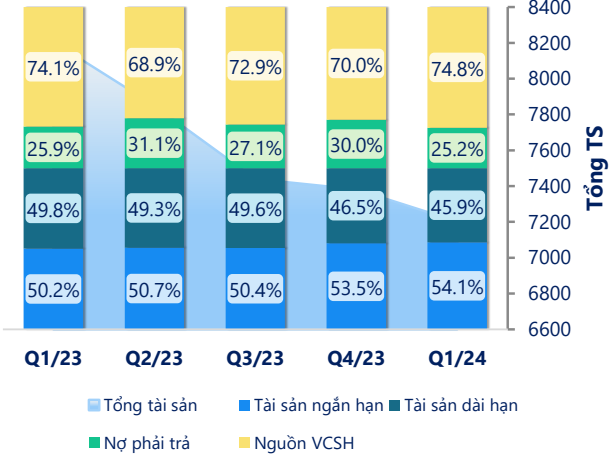
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

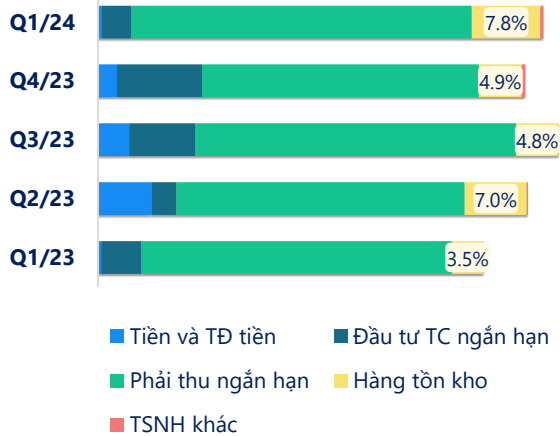
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



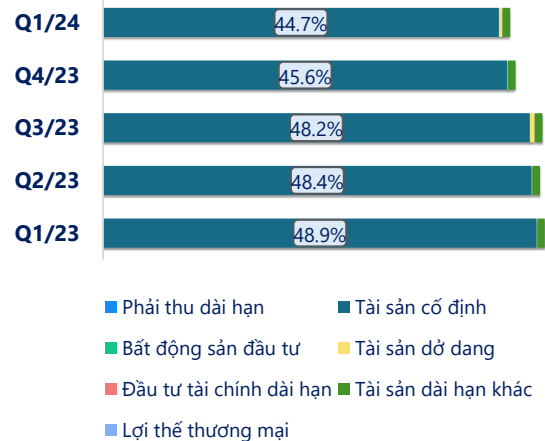
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

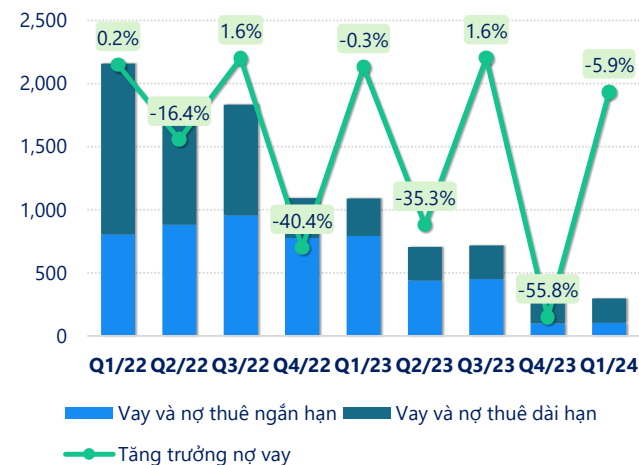
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

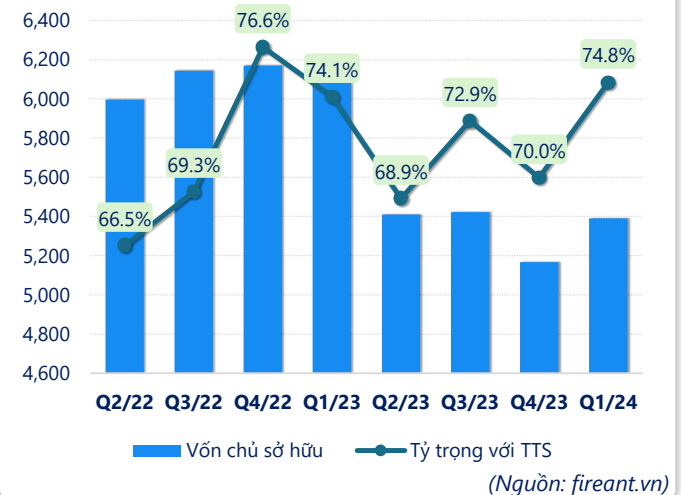
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

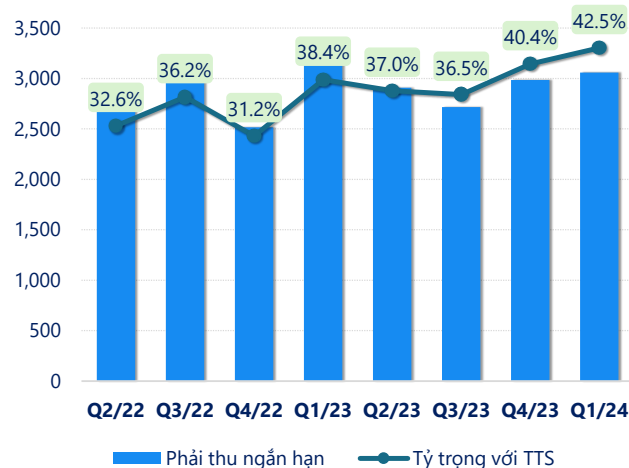
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


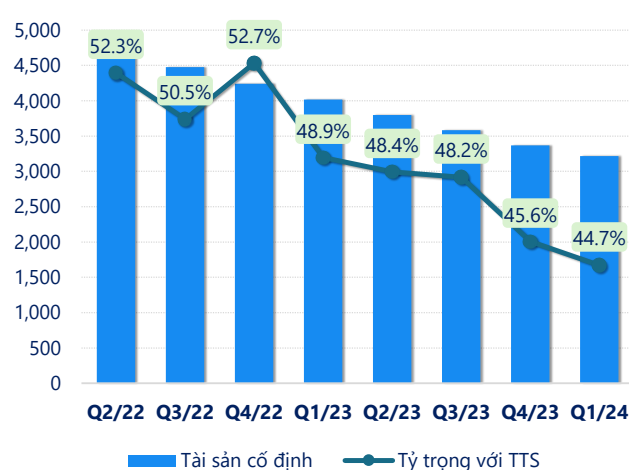
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

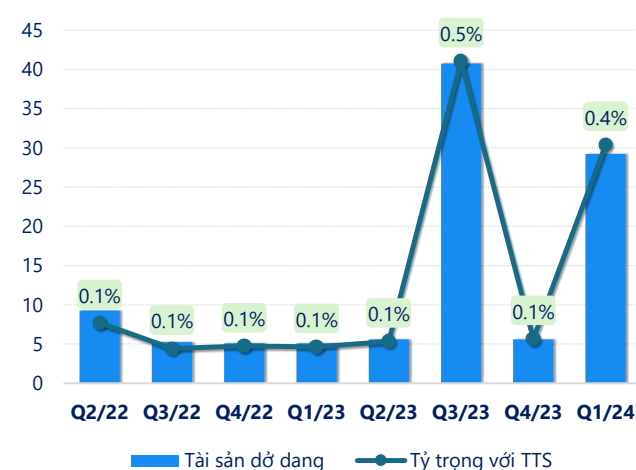

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

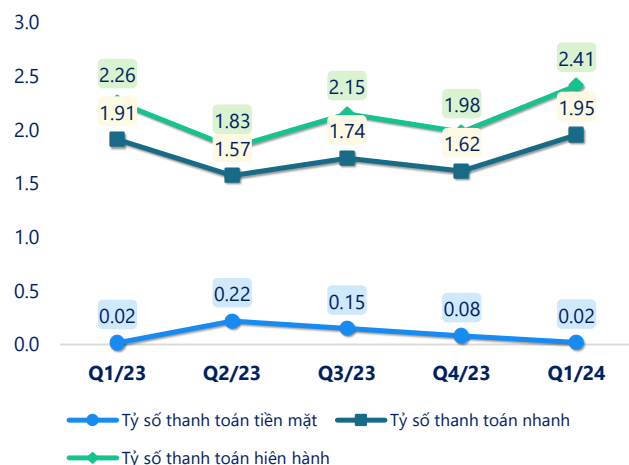
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

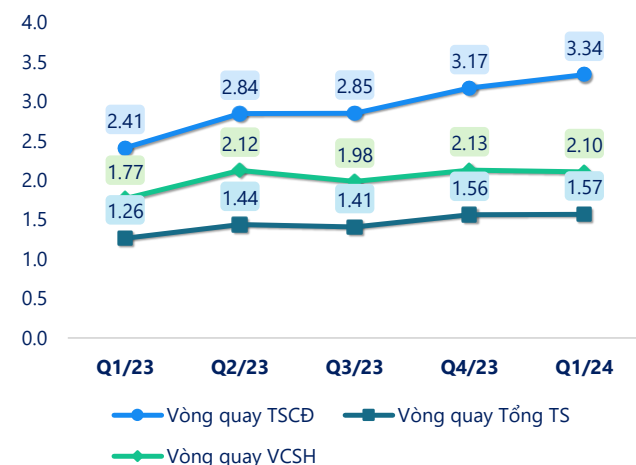
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	8,205	7,850	7,440	7,382	7,202
Tài sản ngắn hạn	4,115	3,978	3,752	3,946	3,893
Tiền và tương đương tiền	27.7	473	260	158	30.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	272	1.50	1.50	1.50	1.50
Phải thu ngắn hạn	3,153	2,907	2,716	2,984	3,059
Hàng tồn kho	636	565	720	726	740
Tài sản ngắn hạn khác	26.4	31.2	53.8	77.5	61.6
Tài sản dài hạn	4,090	3,872	3,689	3,436	3,309
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	4,016	3,798	3,583	3,368	3,218
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.08	5.59	40.7	5.59	29.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	68.6	68.4	64.4	62.7	62.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,124	2,440	2,018	2,216	1,812
Nợ ngắn hạn	1,821	2,169	1,747	1,993	1,614
Vay và nợ thuê ngắn hạn	792	438	450	98.5	105
Phải trả người bán ngắn hạn	819	695	715	1,158	1,199
Nợ dài hạn	302	271	271	223	198
Vay và nợ thuê dài hạn	297	266	266	218	193
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,081	5,410	5,422	5,166	5,390
Vốn chủ sở hữu	6,081	5,410	5,422	5,166	5,390
Vốn điều lệ	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)